

Số: 05 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động
tại Công ty Cổ phần TGKC

Thực hiện Quyết định số 14/QĐ-TTr ngày 02/01/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 08/01/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần TGKC; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 18/01/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần TGKC (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0315585063 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/03/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 06/10/2022.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: mua bán vàng trang sức, mỹ nghệ.

- Trụ sở chính của doanh nghiệp: số 59 đường số 27, Phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tài khoản số 0181006686688 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn.

- Doanh nghiệp đã có tổ chức công đoàn cơ sở.

- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp tại thời điểm thanh tra: 611 người, trong đó có 586 lao động nữ.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng và cả năm 2023 với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Đã báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động năm 2023 với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Phương thức tuyển: doanh nghiệp thực hiện tuyển dụng bằng việc đăng thông tin tuyển dụng tại trang thông tin điện tử của doanh nghiệp và các trang mạng xã hội tuyển dụng, tìm kiếm việc làm.



(Handwritten signature)

- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng, không nhận tiền hoặc tài sản khác của người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động.
- Chưa xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, phát triển kỹ năng nghề cho người lao động.
- Việc ký kết hợp đồng đào tạo nghề: không phát sinh
- Đã lập sổ quản lý lao động bằng bản điện tử.
- Đã ký hợp đồng học nghề, thời gian 03 tháng với tất cả người học nghề để làm việc cho doanh nghiệp và trả lương 4.400.000 đồng/người/tháng.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)

- Số người không thuộc đối tượng phải ký hợp đồng lao động: 01 người (Chủ tịch Hội đồng quản trị).
- Số người đã ký hợp đồng lao động: 599 người, trong đó:
 - + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 379 người;
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 220 người.
- Số người chưa được ký hợp đồng lao động: 11 người (đang trong thời gian học nghề).
- Hợp đồng lao động có đủ các nội dung theo quy định, tuy nhiên mục công việc phải làm ghi “theo bản mô tả công việc và yêu cầu của công ty” nhưng các bản mô tả công việc kèm theo chưa có chữ ký của hai bên.
- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có người lao động bị mất việc làm.
- Việc báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước khi cho người lao động mất việc làm: không phát sinh.
- Việc thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc: không phát sinh.
- Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp có 130 lao động thôi việc. Doanh nghiệp đã trả trợ cấp thôi việc cho 08 người lao động đủ điều kiện được hưởng với tổng số tiền là 14.489.250 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT)

- Năm 2023, doanh nghiệp đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc nhưng không tổ chức đối thoại khi có vụ việc (khi xây dựng lại nội quy lao động, khi xây dựng thang lương, bảng lương).
- Tại doanh nghiệp chưa phát sinh yêu cầu thương lượng, thỏa ước lao động tập thể.
- Doanh nghiệp chưa xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

5. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương thấp nhất doanh nghiệp áp dụng là 5.056.000 đồng/đồng/người/tháng, không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.

- Thu nhập thấp nhất: 5.681.000 đồng/người/tháng; thu nhập cao nhất: 58.700.000 đồng/người/tháng.

- Doanh nghiệp đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

- Doanh nghiệp trả lương theo thời gian, qua tài khoản ngân hàng (người sử dụng lao động trả chi phí dịch vụ).

- Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ, tiền lương ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương theo quy định.

- Tiền lương làm việc vào ban đêm: không phát sinh.

- Việc trả tiền lương những ngày người lao động chưa nghỉ hằng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động thôi việc: không phát sinh (người lao động đã nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm trước khi thôi việc).

- Tại doanh nghiệp không phát sinh ngừng việc.

- Doanh nghiệp không khấu trừ tiền lương của người lao động trái luật, không thực hiện xử lý kỷ luật người lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương.

- Đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động mức 25.000 đồng/người/ngày.

6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Doanh nghiệp tổ chức làm việc 08 giờ/ngày, 48 giờ/tuần.

+ Bộ phận văn phòng làm việc theo giờ hành chính (nghỉ ngày chủ nhật).

+ Bộ phận bán hàng tại các cửa hàng, trung tâm thương mại làm việc theo ca sáng/chiều, nghỉ giữa ca 45 phút tính vào thời gian làm việc (nghỉ 01 ngày trong tuần).

- Doanh nghiệp huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ quy định.

- Đã thực hiện nghỉ ngày lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

- Số ngày nghỉ hằng năm đối với lao động tại doanh nghiệp trong điều kiện lao động bình thường là 12 ngày (chưa tính thâm niên).

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không phát sinh.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động là Tổng giám đốc hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền.

- Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Gò Vấp.

- Nội quy lao động có nội dung không đúng với quy định của pháp luật, cụ thể:

+ Điều 12 quy định doanh nghiệp có toàn quyền yêu cầu người lao động làm việc thêm giờ.

+ Điều 14 quy định các vị trí quản lý như Ban Tổng giám đốc, Trưởng phòng ban/bộ phận... không được hưởng lương làm thêm giờ.

+ Điều 21 quy định người lao động muốn xin nghỉ việc riêng (trong đó có nghỉ kết hôn, con kết hôn, cha mẹ chết) phải viết đơn và được sự chấp thuận của cấp trên quản lý trực tiếp của mình.

+ Doanh nghiệp quy định hành vi gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản và lợi ích của doanh nghiệp bị kỷ luật bằng hình thức sa thải nhưng chưa quy định cụ thể nào là gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản và lợi ích của doanh nghiệp.

+ Không quy định loại tài liệu, số liệu nào là bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, sở hữu trí tuệ.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không phát sinh xử lý kỷ luật lao động.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Doanh nghiệp đang sử dụng 586 lao động nữ.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ có thai làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi; lao động nữ trong thời gian hành kinh.

+ Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ.

+ Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nam/nữ riêng biệt.

+ Đã thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản theo quy định.

- Chưa thực hiện việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên

Doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

8.3. Đối với lao động là người nước ngoài

Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người nước ngoài.

8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không xảy ra khiếu nại, tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Doanh nghiệp không sử dụng lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Chưa xây dựng, ban hành kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động.
- Đã bố trí 01 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động làm việc theo chế độ chuyên trách.
- Doanh nghiệp không sử dụng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.
- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.
- Năm 2023, doanh nghiệp đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, lao động nữ đã được khám chuyên khoa phụ sản theo quy định.

11. Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 598 người.
- + Số người đã tham gia: 592 người.
- + Số người chưa tham gia: 06 người (do mới được ký hợp đồng lao động trong giai đoạn từ ngày 16/12/2023 đến ngày 02/01/2024).
- Số người không thuộc diện phải tham gia 13 người, trong đó:
 - + 01 người là Chủ tịch Hội đồng quản trị (không hưởng lương tại doanh nghiệp).
 - + 01 người lao động tham gia ở đơn vị khác (ông Đặng Vũ Hà Anh, đang tham gia tại Công ty TNHH Dược phẩm và trang thiết bị y tế Hoàng Đức, mã số BHXH: 7908489524); doanh nghiệp đã đóng bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp và trả khoản tiền tương đương với mức người sử dụng lao động đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.
 - + 11 người đang trong thời gian học nghề.
- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương và các loại phụ cấp ghi trong hợp đồng lao động.
- Số tiền phải nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội tháng 12/2023: 1.362.724.395 đồng.
- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã trích đóng đủ tiền cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật đã được doanh nghiệp thực hiện

- 1.1. Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp đã thực hiện các báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng, cả năm và báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.
- 1.2. Đã lập sổ quản lý lao động bằng bản điện tử.
- 1.3. Không thu phí tuyển dụng, không nhận tài sản hoặc tiền đặt cọc của người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động; không giữ văn bằng, chứng chỉ gốc hoặc giấy tờ tùy thân của người lao động khi được tuyển dụng.

1.4. Đã giao kết hợp đồng lao động với toàn bộ người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động theo quy định.

1.5. Đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc.

1.6. Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

1.7. Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ, tiền lương ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương cho người lao động; không dùng hình thức phạt tiền, cắt lương thay việc xử lý kỷ luật lao động.

1.8. Đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động với mức 25.000 đồng/người/ngày.

1.9. Đã thực hiện đúng quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.

1.10. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Gò Vấp.

1.11. Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ.

1.12. Tại doanh nghiệp không xảy ra khiếu nại, tranh chấp lao động.

1.13. Đã bố trí 01 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.

1.14. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

1.15. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, lao động nữ đã được khám chuyên khoa phụ sản theo quy định.

1.16. Đã tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho 100% số người thuộc đối tượng phải tham gia; đã nộp đủ số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

2. Những quy định của pháp luật chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Chưa xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, phát triển kỹ năng nghề cho người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 60 Bộ luật Lao động.

2.2. Nội dung của hợp đồng lao động chưa đảm bảo quy định: mục công việc phải làm ghi “theo bản mô tả công việc và yêu cầu của công ty” nhưng các bản mô tả công việc kèm theo chưa có chữ ký của hai bên là không đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động, Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.3. Chưa xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.4. Chưa tổ chức đối thoại tại nơi làm việc khi có vụ việc theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 63 Bộ luật Lao động.

2.5. Nội quy lao động có nội dung không đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

- Quy định doanh nghiệp có toàn quyền yêu cầu người lao động làm việc thêm giờ là không đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 107 Bộ luật Lao động.

- Quy định các vị trí quản lý như Ban Tổng Giám đốc, Trưởng phòng ban/bộ phận... không được hưởng lương làm thêm giờ là không đúng quy định tại Điều 98 Bộ luật Lao động.

- Quy định người lao động muốn xin nghỉ việc riêng (trong đó có nghỉ kết hôn, con kết hôn, cha mẹ chết) phải viết đơn và được sự chấp thuận của cấp trên quản lý trực tiếp của mình là không đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 115 Bộ luật Lao động.

- Không quy định danh mục tài sản, tài liệu, bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.6. Chưa thực hiện giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.7. Chưa xây dựng, ban hành kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại Điều 76 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-XPHC ngày 10/01/2024 xử phạt vi phạm hành chính với số tiền xử phạt 30.000.000 đồng do doanh nghiệp đã thực hiện các hành vi vi phạm hành chính:

- Không xây dựng, ban hành quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc theo quy định của pháp luật;

- Không xây dựng, ban hành kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động.

V. HẠN CHẾ, BẮT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

1. Chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPHC ngày 10/01/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Khắc phục sai phạm nêu tại Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này như sau: khắc phục ngay sai phạm nêu tại điểm 2.7; các sai phạm khác thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra này.

3. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra này, doanh nghiệp báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra (gửi kèm theo các văn bản, giấy tờ, tài liệu có liên quan) đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Hồng Diệp